TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 136/2023/DS-PT
Ngày: 07 - 8 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Nhum

Các Thẩm phán: Ông Bùi Thanh Thảo

Bà Lê Hồng Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Lê Minh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 02 và 07 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 103/2023/TLPT-DS ngày 23 tháng 6 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Do Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2023/DS-ST ngày 10/5/2023 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 132/2023/QĐXX-PT ngày 20/7/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trịnh Thanh T, sinh năm: 1994; Địa chỉ: thôn BM, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước. (có mặt)

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Bích T1, sinh năm: 1988; Địa chỉ: thôn PL, xã PT, thị xã P, tỉnh Bình Phước. (có mặt)

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Tuấn A, sinh năm: 1977; Địa chỉ: thôn PL, xã PT, thị xã P, tỉnh Bình Phước. (có mặt)

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Trần Thị Bích T1, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tuấn A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20 tháng 3 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trịnh Thanh T trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 19/12/2022 ông đã cho vợ chồng ông Nguyễn Tuấn A và bà Trần Thị Bích T1 vay số tiền 1.000.000.000 đồng, ngày 03/01/2023 vay thêm 400.000.000 đồng (300.000.000 đồng chuyển khoản và 100.000.000 đồng nhận tiền mặt), thỏa thuận lãi 2000 đồng/1 triệu/ngày. Thời hạn trả nợ ngày 10/01/2023 (Âm lịch). Quá trình vay nợ vợ chồng bà T1 chỉ trả được 43.000.000 đồng tiền lãi. Do vợ chồng ông Tuấn A bà T1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông T khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Tuấn A và bà Trần Thị Bích T1 có nghĩa vụ liên đới trả số nợ gốc 1.400.000.000 đồng mà không tiếp tục yêu cầu tiền lãi.

** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trần Thị Bích T1 trình bày:*

Bà T1 thừa nhận vay của ông T số tiền gốc 1.300.000.000 đồng, còn 100.000.000 đồng ghi "tiền mặt", xác nhận vay ngày 03/01/2023 thực tế là tiền lãi để phụ thêm cho nguyên đơn ông T, đây không phải là số tiền gốc; khi vay tiền hai bên thỏa thuận lãi suất 2.000 đồng/1 triệu/ngày với thời hạn trả nợ ngày 10/01/2023 âm lịch (tức ngày 30/01/2023). Bà vi phạm nghĩa vụ trả nợ là do một phần bà làm ăn bị thua lỗ và một phần dùng tiền vào việc trả lãi cho những người khác nên không trả nợ cho ông T đúng hạn. Bà T1 xác định đã thanh toán cho ông T số tiền lãi 43.000.000 đồng trên số nợ gốc.

Giao dịch vay tiền giữa bà và ông T thì chồng bà là ông Nguyễn Tuấn A không biết, không tham gia và ông Tuấn A biết về khoản vay của ông T là từ khi bà vỡ nợ, mất khả năng thanh toán, gia đình ông T đến đòi nợ.

Nay với yêu cầu khởi kiện của ông T thì bà đồng ý trả nợ, tuy nhiên do hiện tại bà hết khả năng trả nợ do làm ăn thua lỗ. Trường hợp ông T đồng ý rút đơn khởi kiện thì bà sẽ nhờ bà H đứng ra trả số tiền cho T là 350.000.000 đồng. Lý do bà nhờ bà H đứng ra trả nợ cho T vì bà có 07 mét ngang đất chung với bà H hiện bà H đang đứng tên quyền sử dụng đất. Số nợ còn lại của bà thì bà và ông Tuấn A sẽ trả dần cho ông T khi vợ chồng bà có điều kiện.

**Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tuấn A trình bày:*

Ông là chồng bà T1, ông thống nhất với lời khai của bà T1. Việc vay tiền giữa bà T1 và ông T, ông không tham gia và cũng không biết do mọi việc vay nợ, xoay sở nguồn vốn kinh doanh do bà T1 tự vay. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông đồng ý đây là khoản nợ chung của hai vợ chồng và đồng ý cùng bà T1 có nghĩa vụ trả số nợ cho ông T. Tuy nhiên, hiện tại vợ chồng ông đã mất khả năng trả nợ nên yêu cầu được trả dần sau khi vợ chồng ông bà có điều kiện.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2023/DS-ST ngày 10/5/2023 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bình Phước quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Thanh T. Buộc bị đơn bà Trần Thị Bích T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Tuấn A có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trịnh Thanh T số tiền nợ gốc 1.400.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm triệu đồng).

2. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Thanh T buộc bị đơn Trần Thị Bích T1 và và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Tuấn A trả số tiền lãi.

Ngoài ra, bản án còn tuyên phần án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23/5/2023 nguyên đơn bà Trần Thị Bích T1 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc bà T1 phải trả cho ông T 1.257.000.000 đồng; ngày 23/5/2023 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Tuấn A có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc một mình bà T1 trả nợ cho ông T.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn và bị đơn thống nhất xác định bà Trần Thị Bích T1 có vay của ông Trịnh Thanh T 1.300.000.000 đồng và 100.000.000 đồng còn lại là số tiền bà T1 phụ ông T để trả lãi cho người đã cho ông T vay tiền; ông T và bà T1 thống nhất bà đồng ý trả cho ông T số tiền 1.350.000.000 đồng. Ông Nguyễn Tuấn A giữ nguyên yêu cầu kháng cáo chỉ buộc bà T1 trả số nợ đã vay của ông T.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Tòa án từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án:

+ Đối với nội dung các đương sự Trần Thị Bích T1 và Trịnh Thanh T thỏa T1ận tại phiên tòa phúc thẩm, xét thấy thỏa thuận không vi phạm điều cấm và không trái đạo đức xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 300 và khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; sửa bản án sơ thẩm số 09/2023/DS-ST ngày 10/5/2023 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bình Phước theo hướng ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

+ Đối với nội dung kháng cáo chỉ buộc một mình bà T1 có trách nhiệm trả nợ cho ông T, xét thấy bà Trần Thị Bích T1 và ông Nguyễn Tuấn A đều xác định số tiền bà T1 vay của ông T được dùng làm vốn kinh doanh, nhằm phát triển kinh tế gia đình nên căn cứ Điều 27 và 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 buộc ông Nguyễn Tuấn A có trách nhiệm liên đới với bà Trần Thị Bích T1 trả cho ông Trịnh Thanh T số tiền 1.350.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan làm trong thời hạn luật định, có hình thức, nội dung và phạm vi kháng cáo phù hợp với quy định tại các Điều 271, 272 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét đơn kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Đối với số tiền bà Trần Thị Bích T1 vay của ông Trịnh Thanh T, nhận thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Trần Thị Bích T1 và ông Trịnh Thanh T thỏa thuận với nhau về số tiền bà T1 có nghĩa vụ trả cho ông T là 1.350.000.000; các đương sự không yêu cầu xử lý số tiền lãi 43.000.000 đồng bà T1 đã trả cho ông T cũng như ông T không yêu cầu tính lãi của số tiền đã vay. Sự thỏa thuận giữa ông T và bà T1 là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, cần được ghi nhận.

[2.2]. Đối với yêu cầu chỉ buộc bà Trần Thị Bích T1 có nghĩa vụ trả nợ cho ông Trịnh Thanh T của ông Nguyễn Tuấn A và bà Trần Thị Bích T1, nhận thấy:

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn Tuấn A thừa nhận số tiền bà T1 vay của ông T để kinh doanh hạt điều nhằm mục đích kiếm lời, phát triển kinh tế gia đình, sau khi bà T1 vỡ nợ thì ông mới biết nhưng ông đồng ý cùng vợ trả số nợ này; tại phiên tòa phúc thẩm, ông Tuấn A và bà T1 tiếp tục khẳng định số tiền vay của ông T là để làm vốn kinh doanh, phục vụ nhu cầu của các thành viên trong gia đình và phát triển kinh tế nên ông Nguyễn Tuấn A và bà Trần Thị Bích T1 phải chịu trách nhiệm liên đới đối với các giao dịch do một mình bà T1 thực hiện là đúng quy định tại các điều 27 và 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Tuấn A phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà T1 trả nợ cho ông T là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật; ông Tuấn A cho rằng hiện nay ông không có khả năng nên không đồng ý cùng bà T1 trả nợ là không có thiện chí. Vì vậy, yêu cầu kháng cáo của ông Tuấn A và bà T1 không có căn cứ chấp nhận.

[3] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị Bích T1 và ông Nguyễn Tuấn A về việc chỉ buộc bà T1 trả nợ cho ông T; chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị Bích T1 về xác định số tiền bà T1 và ông Tuấn A phải trả cho ông T. Do đó, tuy ông Tuấn A không có ý kiến về sự thỏa T1ận giữa ông T và bà T1 về số tiền phải trả nhưng sự thỏa thuận giữa ông T với bà T1 không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên cần buộc ông Tuấn A và bà T1 có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền mà bà T1 với ông T đã thống nhất là

1.350.000.000 đồng, vì vậy cần sửa Bản án sơ thẩm số 09/2023/DSST ngày 10/5/2023 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bình Phước.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Do số tiền bà Trần Thị Bích T1 và ông Nguyễn Tuấn A có nghĩa vụ trả cho ông Trinh Thanh T thay đổi nên cần xác định lại án phí sơ thẩm cho phù hợp, cụ thể là 36.000.000 đồng + 3% x 550.000.000 đồng = 52.500.000 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Bích T1 được chấp nhận một phần nên bà T1 không phải chịu; kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tuấn A không được chấp nhận nên ông Tuấn A phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T1, miễn, giảm, T1, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Bích T1; Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tuấn A.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2023/DS-ST ngày 10/5/2023 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bình Phước.

Căn cứ các Điều 280, 463, 466, 470 Bộ luật dân sự 2015; Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Thanh T. Buộc bị đơn bà Trần Thị Bích T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tuấn A có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trịnh Thanh T số tiền 1.350.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Nguyễn Tuấn A và bà Trần Thị Bích T1 phải liên đới chịu 52.500.000 đồng (Năm mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Ông Trịnh Thanh T không phải chịu án phí, được trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 27.000.000 đồng (Hai mươi bảy triệu đồng) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã P, tỉnh Bình Phước theo biên lai T1 tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008460 ngày 21/3/2023.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Trần Thị Bích T1 không phải chịu, được trả lại 300.000 đồng số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã P, tỉnh Bình Phước theo Biên lai T1 tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008528 ngày 23/5/2023. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tuấn A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã P, tỉnh Bình Phước theo biên lai T1 tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008527 ngày 23/05/2023.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T1ận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS TX P;
- TAND TX P;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Nhum